

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		43	Lê Thị Đẹp			1950	1	2			
		44	Kiều Trí Bền		15/4/2004		1	6			
12	12	45	Huỳnh Văn Be	Phú An	01/01/1939		1	1	150	20	
		46	Nguyễn Thị Xưa			01/01/1945	1	2			
		47	Huỳnh Thị Tú Quyên			4/3/2007	1	6			
		48	Huỳnh Thị Tú Trinh			22/02/2010	1	6			
		49	Huỳnh Thị Tú Như			19/11/2016	1	6			
13	13	50	Đoàn Văn Rớt	Phú An	1940		1	1	175	30	
		51	Nguyễn Thị Mè			1949	1	2			
14	14	52	Huỳnh Ngọc Tôi	Tân Phú	1954		1	1	135	20	
		53	Dương Kim Hạnh			1951	1	2			
Tổng cộng: 14 hộ											

Lập biểu



Nguyễn Thị Diễm Hương

Tây Phú, ngày 03 tháng 11 năm 2025



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quốc Thắng

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		19	Lê Thị Chu			1945	1	2			
		20	Lê Thị Hồng Lam			7/2/2009	1	6			
		21	Lê Nguyễn Quốc Thắng		3/3/2014		1	6			
06	06	22	Nguyễn Thị Kim Anh	Phú Bình		05/05/1957	1	1	135	20	
		23	Nguyễn Thị Dây			01/01/1982	1	3			
		24	Nguyễn Văn Đáng		01/01/1987		1	3			
		25	Nguyễn Thị Hương			22/04/2000	1	3			
		26	Nguyễn Thanh Bằng		9/3/2011		1	6			
		27	Nguyễn Thị Hạnh			16/8/1997	1	3			
		28	Nguyễn Thanh Điền		10/02/2017		1	6			
		29	Nguyễn Thanh Bảo		20/01/2013		1	6			
07	07	30	Trần Thị Mới	Phú Bình		01/01/1947	1	1	170	20	
		31	Phạm Thị Út Dứt			1/1/1978	1	3			
08	08	32	Đương Văn Dũng	Phú Bình	01/01/1963		1	1	135	20	
		33	Hồ Thị Kim Duyên			01/01/1964	1	2			
		34	Dương Chí Thanh		30/7/1998		1	3			
09	09	35	Nguyễn Thị Mưm Em	Phú Bình		01/01/1988	1	1	135	20	
		36	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			11/03/2011	1	3			
		37	Nguyễn Hoàng Trang		22/04/2019		1	3			
		38	Nguyễn Hoàng Anh		4/10/1999		1	3			
		39	Nguyễn Thị Tuyết Mai			18/8/2023	1	3			
10	10	40	Nguyễn Văn Triều	Phú Bình	01/01/1945		1	1	160	10	
		41	Nguyễn Văn Danh Em		13/12/2008		1	3			
11	11	42	Kiều Ngọc Đức	Phú An	01/01/1949		1	1	140	20	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SỔ CÁI QUẢN LÝ HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2026

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
01	01	01	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Sơn Hiệp		05/05/1977	1	1	130	20	
		2	Lê Hoàng Hiếu		11/12/2003		1	6			
		3	Lê Thị Đình Nhi			17/7/2019	1	6			
		4	Lê Khánh My			23/10/2013	1	6			
02	02	05	Nguyễn Văn Hưng	Sơn Hiệp	24/04/1982		1	1	130	20	
		6	Nguyễn Anh Tú		27/7/1985		1	3			
		7	Nguyễn Thị Đoàn Trang		1/22/1998		1	3			
03	03	08	Trương Văn Giơn	Sơn Hiệp	30/11/1963		1	1	140	20	
		9	Nguyễn Thị Ánh			01/01/1960	1	2			
		10	Trần Nguyễn Huỳnh Nga			16/10/2007	1	6			
04	04	11	Trần Thị Mỹ	Sơn Hiệp		01/01/1955	1	1	140	20	
		12	Trần Thị Hà			15/8/1969	1	7			
		13	Trần Văn U		1/1/1974		1	7			
		14	Trần Văn Thuộc		01/01/1965		1	7			
		15	Trần Thị Mỹ Ngọc			26/02/2018	1	6			
05	05	16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Sơn Hiệp		10/6/1986	1	1	130	20	
		17	Lương Quốc Thiện		8/9/2013		1	3			
		18	Lương Hoàng Khải		14/10/2016		1	3			

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
87	87	299	Hồ Văn Thỏ (BTXH)	Phú Hùng	01/01/1937		1	1	140	20	
		300	Hồ Văn Ut		9/6/1971		1	3			
		301	Hồ Văn Nghe (BTXH)		01/01/1989		1	3			
88	88	302	Nguyễn Văn Thành	Phú Hùng	01/01/1965		1	1	140	20	
89	89	303	Bùi Nhật Tân	Phú Hùng	01/01/1962		1	1	140	20	
		304	Trần Thị Bé			25/9/1957	1	5			
90	90	305	Phan Thị Kiều Dung	Phú Hùng		01/01/1974	1	1	140	20	
		306	Huỳnh Đạt Duyên		01/01/1961		1	2			
		307	Phan Huỳnh Anh		27/12/2012		1	6			
		308	Phan Huỳnh Quốc Anh		01/09/2015		1	6			
			Tổng cộng: 90 hộ								

Lập biểu



Nguyễn Thị Diễm Hương

Tây Phú, ngày 03 tháng 11 năm 2025



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quốc Thắng

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
75	75	274	Nguyễn Văn Long	Phú Thạnh	01/01/1966		1	1	140	20	
		275	Trần Thị Lan			01/01/1964	1	2			
76	76	276	Phan Thị Đáng (BTXH)	Phú Thạnh		01/01/1940	1	1	140	20	
77	77	277	Trần Thị Phép (Huệ)	Phú Thạnh		01/01/1947	1	1	140	20	
78	78	278	Cao Thị Dệt (BTXH)	Phú Thạnh		24/11/1974	1	1	140	20	
79	79	279	Nguyễn Văn Khứ	Phú Thuận	20/10/1953		1	1	130	20	
80	80	280	Trần Thị Liệp (Trăng)	Phú Thuận		25/7/1949	1	1	135	20	
		281	Thái Ngọc Thiện		27/6/2009		1	6			
81	81	282	Ngô Thị Đình	Phú Thuận		01/01/1957	1	1	130	20	
		283	Lê Văn Thanh		01/01/1984		1	3			
		284	Nguyễn Thị Bích			01/01/1985	1	3			
		285	Lê Thị Yên Nhi			10/11/2016	1	6			
		286	Nguyễn Văn Minh		8/11/2012		1	6			
		287	Lê Trọng Hiều		01/7/2020		1	6			
82	82	288	Lê Văn Oi	Phú Thuận	01/01/1952		1	1	130	20	
83	83	289	Lê Thị Diễm Thúy	Phú Thuận		29/5/1979	1	1	135	20	
		290	Nguyễn Văn Cường		01/01/1988		1	2			
		291	Lê Văn Vinh		29/12/2003		1	3			
		292	Lê Thị Kim Mai			23/9/2016	1	3			
84	84	293	Nguyễn Thị Kỹ	Phú Thuận		01/01/1967	1	1	140	20	
		294	Nguyễn Thị Hương Vẹn			27/02/2004	1	6			
85	85	295	Huỳnh Thị Ngọc An	Phú Hùng		01/01/1955	1	1	140	20	
		296	Nguyễn Trần Tấn Đạt		13/9/2012		1	6			
86	86	297	Bùi Văn Hớn	Phú Hùng	01/01/1963		1	1	140	20	
		298	Cao Thị Bé Phường (BTXH)			03/9/1995	1	2			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
67	67	249	Nguyễn Thị Ngổ	Tân Phú		01/01/1949	1	1	125	20	
		250	Phan Văn Hùng Cường		1982		1	3			
		251	Nguyễn Thanh Thúy			1984	1	3			
		252	Phan Thị Cẩm Ly			2008	1	6			
		253	Phan Chí Kiệt		2011		1	6			
68	68	254	Nguyễn Hoàng Sơn	Tân Phú	01/01/1958		1	1	135	20	
		255	Nguyễn Thị Lèo			1963	1	2			
		256	Nguyễn Hoàng Sang		2008		1	6			
69	69	257	Nguyễn Thị Hiệp	Tân Mỹ		01/01/1951	1	1	135	20	
70	70	258	Nguyễn Thị Vân	Tân Mỹ		01/01/1956	1	1	135	20	
71	71	259	Trần Văn Chí Linh	Phú Hòa	01/01/1982		1	1	135	20	
		260	Nguyễn Thị Huệ			01/01/1985	1	2			
		261	Trần Thị Kim Thừng			19/02/2004	1	3			
		262	Trần Văn Tròn		8/9/2007		1	3			
		263	Trần Thị Kim Ngọt			28/04/2011	1	3			
72	72	264	Trần Văn Dương	Phú Hòa	8/02/1969		1	1	140	20	
		265	Đỗ Thị Hồng Phượng			19/8/1964	1	2			
73	73	266	Nguyễn Thị Còn	Phú Hòa		01/01/1940	1	1	135	20	
		267	Trần Thị Kim Anh			04/11/2010	1	6			
		268	Trần Kim Phụng			8/04/2013	1	6			
		269	Trần Văn Vương		27/4/2014		1	6			
		270	Trần Văn Minh		16/11/2018		1	6			
74	74	271	Lê Thị Lệ Thủy	Phú Thạnh		01/03/1983	1	1	140	20	
		272	Từ Thị Thanh Ngân			5/7/2009	1	3			
		273	Từ Ngọc Trâm			16/04/2011	1	3			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		224	Nguyễn Thanh Hải		1982		1	3			
60	60	225	Dương Thị Yến	Tân Đông		1970	1	1	140	20	
		226	Trương Thanh Tâm		1995		1	3			
		227	Trương Thị Anh Thư			2000	1	6			
		228	Trương Anh Thảo			2018	1	6			
61	61	229	Võ Thị Sơn	Tân Đông		1966	1	1	140	20	
		230	Phạm Văn Tám		1962		1	2			
		231	Phạm Thị Kiều Lan			1990	1	3			
		232	Phạm Hoàng Khanh		1992		1	3			
62	62	233	Võ Thị Hồng Hoa	Tân Đông		1961	1	1	140	20	
		234	Phan Văn Thơm		1963		1	2			
		235	Phan Văn Đón		1985		1	3			
		236	Phan Hữu Phúc		2009		1	6			
		237	Phan Nguyễn Ngọc Nhân		2012		1	6			
63	63	238	Nguyễn Ngọc Đoàn	Tân Đông	1948		1	1	140	20	
		239	Huỳnh Thị Anh			1956	1	2			
		240	Nguyễn Ngọc Việt		1982		1	3			
64	64	241	Lâm Thị Kim Phượng	Tân Đông		1958	1	1	140	20	
		242	Lương Vũ Linh		1986		1	3			
		243	Lương Gia Huy		2009		1	6			
		244	Lương Gia Tính		2011		1	6			
65	65	245	Nguyễn Văn Năm	Tân Đông	1960		1	1	140	20	
		246	Dương Thị Bạch Yến			1960	1	2			
66	66	247	Huỳnh Ngọc Tôi	Tân Phú	8/01/1954		1	1	135	20	
		248	Dương Kim Hạnh			1951	1	2			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		200	Đặng Thị Tuyết Nhi			29/9/2017	1	6			
52	52	201	Trần Văn Nóc	Phú An	01/01/1951		1	1	115	20	
		202	Nguyễn Thị Chiêm			01/01/1963	1	2			
53	53	203	Trương Văn Thành	Phú An	1950		1	2	140	20	
		204	Trần Trí Thiện		1989		1	3			
54	54	205	Phan Văn Hai	Phú An	1951		1	1	140	20	
		206	Hồ Thị Rạng			1953	1	2			
		207	Phan Văn Hải		01/01/1984		1	3			
		208	Phan Thị Nguyên			2004	1	6			
		209	Trương Thị Bích Diễm			23/05/2005	1	6			
		210	Đinh Thị Hải			24/06/1986	1	3			
		211	Phan Thanh Dương		8/3/2015		1	6			
55	55	212	Trần Văn Ba	Phú An	01/01/1952		1	1	140	20	
		213	Nguyễn Thị Dỗi			5/7/1954	1	2			
56	56	214	Nguyễn Thị Hoa	Phú An		28/02/1957	1	1	140	20	
		215	Trần Văn Nhân		5/5/2001		1	6	6		
57	57	216	Nguyễn Văn Giang	Phú An	20/6/1979		1	1	140	20	
		217	Nguyễn Văn Danh Em		13/12/2008		1	3			
		218	Nguyễn Văn Mạnh		28/7/2010		1	3			
		219	Nguyễn Văn Bên		22/8/2013		1	3			
		220	Nguyễn Thị Song				1	7			
58	58	221	Nguyễn Thị Phước	Phú An		1963	1	1	140	20	
59	59	222	Nguyễn Thanh Ba	Tân Đông	01/01/1953		1	1			
		223	Nguyễn Thị Chính			1957	1	2			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		177	Nguyễn Văn Đăng		01/01/1987		1	3			
		178	Nguyễn Thị Hương			22/04/2000	1	3			
		179	Nguyễn Thanh Bằng		9/3/2011		1	6			
		180	Nguyễn Thị Hạnh			16/8/1997	1	3			
		181	Nguyễn Thanh Điền		10/02/2017		1	6			
		182	Nguyễn Thanh Bảo		20/01/2013		1	6			
47	47	183	Dương Văn Dũng	Phú Bình	01/01/1963		1	1	135	20	
		184	Hồ Thị Kim Duyên			01/01/1964	1	2			
		185	Dương Chí Thanh		30/7/1998		1	3			
48	48	186	Nguyễn Thị Mưm Em	Phú Bình		01/01/1988	1	1	135	20	
		187	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			11/03/2011	1	3			
		188	Nguyễn Hoàng Trảng		22/04/2019		1	3			
		189	Nguyễn Hoàng Anh		4/10/1999		1	3			
		190	Nguyễn Thị Tuyết Mai			18/8/2023	1	3			
49	49	191	Kiều Ngọc Đức	Phú An	01/01/1949		1	1	140	10	
		192	Lê Thị Đẹp			1950	1	2			
		193	Kiều Trí Bền		15/4/2004		1	6			
50	50	194	Đoàn Thị Lượm	Phú An		01/01/1948	1	1	140	20	
		195	Nguyễn Văn Chí		19/10/1985		1	3			
		196	Thái Thị Vàng			14/05/1992	1	3			
		197	Nguyễn Thị Thúy Hồng			03/6/2011	1	6			
		198	Nguyễn Trung Tinh		15/05/2016		1	6			
51	51	199	Nguyễn Thị Dung			01/01/1953	1	2	140	20	

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		154	Võ Thị Hoa			1955	1	2			
41	41	155	Nguyễn Thị Mỹ Lợi	Phú Bình		01/01/1957	1	1	140	20	
		156	Đặng Thị Cẩm Xuyên			6/7/1998	1	3			
		157	Đặng Hữu Đây		25/8/1989		1	3			
42	42	158	Lê Văn Hiến	Phú Bình	01/01/1962		1	1	135	20	
		159	Võ Thị Đẹp			1959	1	2			
		160	Lê Thị Như			1988	1	3			
		161	Lê Thị Diễm Hương			6/11/2011	1	6			
43	43	162	Nguyễn Thị Cẩm	Phú Bình		01/01/1953	1	1	135	20	
		163	Nguyễn Tấn Hết		1988		1	3			
		164	Nguyễn Thị Gia Hân			11/09/2013	1	6			
		165	Nguyễn Thị Nhi			01/01/1990	1	3			
		166	Nguyễn Tấn Khang		21/11/2019		1	6			
44	44	167	Nguyễn Triều Dương	Phú Bình	01/01/1953		1	1	135	20	
		168	Nguyễn Thị Ngọc Em			6/6/1948	1	2			
45	45	169	Phạm Thị Ngân	Phú Bình	01/01/1944		1	1	140	20	
		170	Dương Tấn Được		8/8/1983		1	3			
		171	Phan Thị Huyền Trang			01/01/1989	1	3			
		172	Dương Tấn Khá		24/8/2009		1	6			
		173	Dương Quốc Dư		17/05/2013		1	6			
		174	Dương Tấn nhiều		22/7/2023		1	6			
46	46	175	Nguyễn Thị Kim Anh	Phú Bình		01/01/1957	1	1	135	20	
		176	Nguyễn Thị Dây			01/01/1982	1	3			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		131	Nguyễn Thị Bé Thủy			05/01/2001	1	3			
35	35	132	Nguyễn Thị Mai	Phú Hiệp		01/01/1933	1	1	130	10	
		133	Ngô Văn Giáp		01/01/1987		1	3			
		134	Ngô Thành Tuấn		8/6/2006		1	6			
		135	Ngô Thành Tuấn			10/2/2010	1	6			
36	36	136	Lâm Văn Dũng	Phú Hiệp	01/01/1957		1	1	130	20	
		137	Đỗ Thị Xăng			01/01/1960	1	2			
		138	Lâm Thị Ngọc Thi			3/5/2007	1	3			
		139	Lâm Thị Kiều			20/01/1987	1	3			
37	37	140	Lê Hoàng Khang	Phú Bình	01/01/1985		1	1	135	10	
		141	Lê Thị Phước Thiện			16/6/1984	1	2			
		142	Lê Thị Mỹ Duyên			17/11/2008	1	3			
		143	Lê Thị Mỹ Vy			04/10/2012	1	3			
38	38	144	Phạm Thị Lệ Thủy	Phú Bình		01/01/1966	1	1	140	20	
		145	Võ Thị Đánh			16/6/1983	1	3			
		146	Lê Thị Thùy Trang			13/7/2005	1	6			
		147	Lê Gia Bảo			9/05/2016	1	6			
		148	Lê Thị Thảo Nguyên			23/10/2020	1	6			
39	39	149	Hồ Quốc Thanh	Phú Bình	01/01/1950		1	1	135	20	
		150	Trần Thị Lệ			01/01/1956	1	2			
		151	Trần Văn Dũng		7/9/1970		1	3			
		152	Trần Chí Tâm		01/01/2011		1	6			
40	40	153	Phạm Hữu Trí	Phú Bình	08/08/1954		1	1	140	20	

HỮU

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		108	Trương Thị Mỹ Huyền			4/9/2014	1	6			
29	29	109	Đặng Công Tâm	Phú Hiệp	01/01/1979		1	1			
		110	Đặng Thành Duy		24/3/2007		1	3	120	20	
		111	Đặng Thành Duy		20/02/2011		1	3			
30	30	112	Phan Thị Thanh Tuyền	Phú Hiệp		01/01/1980	1	1	140	20	
		113	Nguyễn Văn Hùng		01/01/1974		1	2			
		114	Nguyễn Thị Lệ Xuân			7/5/2004	1	3			
		115	Nguyễn Tấn Lộc		23/12/2012		1	3			
		116	Nguyễn Thanh Thiện		20/02/2022		1	6			
31	31	117	Phan Thị Bé Ba	Phú Hiệp		01/01/1966	1	1	100	20	
		118	Đoàn Văn Que		01/01/1965		1	2			
		119	Đoàn Văn Duy Hận		22/02/1988		1	3			
		120	Đoàn Kim Quỳnh Như			18/05/2012	1	6			
		121	Đoàn Trí Trung		12/6/2015		1	6			
		122	Đoàn Trúc Huỳnh			1/3/2018	1	6			
		123	Đoàn Kim Tú Quyên			10/22/2019	1	6			
		124	Đoàn Thiên Phúc		21/5/2022		1	6			
32	32	125	Nguyễn Thị Nữ	Phú Hiệp		01/01/1953	1	1	125	20	
33	33	126	Phạm Văn Tường	Phú Hiệp	01/01/1958		1	1	140	20	
		127	Mai Thị Đông			01/01/1952	1	2			
		128	Phạm Văn Cọp		01/01/1990		1	3			
34	34	129	Nguyễn Văn Huê	Phú Hiệp	01/01/1952		1	1	140	10	
		130	Trần Thị Lệ			01/01/1956	1	2			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		85	Lê Hoàng Hiếu		11/12/2003		1	6			
		86	Lê Thị Đình Nhi			17/7/2019	1	6			
		87	Lê Khánh My			23/10/2013	1	6			
23	23	88	Nguyễn Văn Hưng	Sơn Hiệp	24/4/1982		1	1	130	20	
		89	Nguyễn Anh Tú		27/7/1985		1	3			
		90	Nguyễn Thị Doan Trang		1/22/1998		1	3			
24	24	91	Trương Văn Giơn	Sơn Hiệp	30/11/1963		1	1	140	20	
		92	Nguyễn Thị Ánh			01/01/1960	1	2			
		93	Trần Nguyễn Huỳnh Nga			16/10/2007	1	6			
25	25	94	Trần Thị Mỹ	Sơn Hiệp		01/01/1955	1	1	140	20	
		95	Trần Thị Hà			15/8/1969	1	7			
		96	Trần Văn U		1/1/1974		1	7			
		97	Trần Văn Thuộc		01/01/1965		1	7			
		98	Trần Thị Mỹ Ngọc			26/02/2018	1	6			
26	26	99	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Sơn Hiệp		10/6/1986	1	1	130	20	
		100	Lương Quốc Thiện		8/9/2013		1	3			
		101	Lương Hoàng Khải		14/10/2016		1	3			
27	27	102	Nguyễn Thị Kim Nguyên	Phú Hiệp	24/11/1954		1	1	120	20	
		103	Ngô Hoàng Tuấn		27/01/1976		1	3			
		104	Dương Thị Trúc Ly			28/03/2012	1	6			
28	28	105	Nguyễn Thị Bé Lớn	Phú Hiệp		01/03/1994	1	3	125	20	
		106	Trương Thị Mỹ tiên			7/10/2018	1	6			
		107	Trương Thị Mỹ Hằng			29/11/2011	1	6			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		62	Đặng Nguyễn Như Quỳnh			9/8/2013	1	6			
16	16	63	Ngô Phú Cường	Sơn Hiệp	0/01/1972		1	1	140	20	
		64	Trần Thị Liễu			17/10/1971	1	2			
		65	Ngô Thị Tuyết Nhi			01/01/1993	1	3			
		66	Ngô Thị Tuyết Kha			24/9/2006	1	3			
		67	Ngô Gia Bảo		28/6/2016		1	6			
		68	Ngô Diệu Hiền			29/7/2022	1	6			
		69	Ngô Thị Quỳnh Lam			28/6/2018	1	6			
17	17	70	Đào Thiên	Sơn Hiệp	1955		1	1	135	20	
18	18	71	Đào Thị Hèm	Sơn Hiệp		01/01/1958	1	2	135	20	
		72	Nguyễn Thị Tiềm			6/12/1985	1	3			
		73	Nguyễn Thanh Bình		01/01/1988		1	6			
		74	Bùi Thị Ngọc Cẩm			6/11/2014	1	6			
		75	Dương Văn Khánh		13/01/2005		1	6			
19	19	76	Nguyễn Văn Bé Tư	Sơn Hiệp	10/02/1965		1	1	140	20	
		77	Phạm Thị Tảo			30/12/1967	1	2			
		78	Nguyễn Thị Quý			15/03/1997	1	3			
		79	Nguyễn Anh Kiệt		02/10/2017		1	6			
20	20	80	Trương Thị Dâu	Sơn Hiệp		10/10/1954	1	1	140	20	
		81	Trần Văn Luận		21/11/1985		1	3			
21	21	82	Phạm Văn Tiềm	Sơn Hiệp	01/05/1950		1	1	135	40	
		83	Nguyễn Thị Hiền			15/10/1958	1	2			
22	22	84	Nguyễn Thị Lệ Thanh	Sơn Hiệp		05/05/1977	1	1	130	20	

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		39	Đoàn Kim Vàng			19/02/1964	1	2			
		40	Trần Hữu Đức		14/09/2005		1	6			
		41	Bùi Thị Tuyết My			15/05/2013	1	6			
		42	Nguyễn Thị Bích Hạnh			11/10/1987	1	3			
		43	Nguyễn Anh Tuấn		27/12/2017		1	6			
		44	Nguyễn Minh Khang		15/02/2021		1	6			
13	13	45	Nguyễn Văn Biết	Sơn Hiệp	01/01/1962		1	1	120	20	
		46	Nguyễn Thị Mai			01/01/1969	1	2			
		47	Nguyễn Thị Mỹ Huyền			12/3/2003	1	3			
		48	Nguyễn Minh Nhật		11/11/2010		1	6			
		49	Đoàn Minh Trí		31/7/2016		1	6			
14	14	50	Hồ Văn Bi	Sơn Hiệp	28/12/1962		1	1	125	20	
		51	Đặng Thị Mến			1975	1	2			
		52	Hồ Hoài Hận		23/09/1996		1	3			
		53	Hồ Thị Bích Tuyền			25/03/1997	1	3			
		54	Trương Văn Cường		1988		1	3			
		55	Hồ Bích Vàng			29/10/2015	1	6			
15	15	56	Phùng Thị Xuân	Sơn Hiệp		12/2/1956	1	1	140	20	
		57	Nguyễn Ngọc Bích			2/9/1982	1	3			
		58	Nguyễn Thị Bích Hạnh			03/06/1985	1	3			
		59	Nguyễn Thị Ngọc Quý			1/3/2003	1	6			
		60	Nguyễn Thành Thuận		28/5/2011		1	6			
		61	Đặng Nguyễn Thành Nam		15/12/2008		1	6			

STT	Số số	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
06	06	17	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Sơn Hiệp		18/06/1998	1	1	140	20	
		18	Võ Anh Tài		22/01/2016		1	3			
		19	Võ Văn Vương		21/5//2020		1	3			
07	07	20	Nguyễn Văn Hòa	Sơn Hiệp	01/01/1968		1	1	140	20	
		21	Lê Thị Ngừ			18/02/1984	1	2			
		22	Nguyễn Thị Mộng Nghi			8/24/2010	1	3			
		23	Nguyễn Văn Hiệp		10/4/2016						
08	08	24	Lê Thị kim Sơn	Sơn Hiệp		18/12/1965	1	1	140	20	
		25	Trần Thị Thanh phương			24/12/1994	1	3			
		26	Trần Ngọc Phương Bình			17/05/2017	1	6			
		27	Trần Ngọc Phương Nam			29/8/2020	1	6			
			Trần Ngọc Minh Trí		21/9/2022		1	6			
09	09	28	Nguyễn Thị Bích Xuyên	Sơn Hiệp		01/01/1983	1	1	125	20	
		29	Nguyễn Thị Bích Lan			1/2/2009	1	2			
10	10	30	Trần Văn Phước	Sơn Hiệp	04/10/1976		1	1	125	20	
		31	Ngô Thị Diễm			01/01/1984	1	2			
		32	Trần Phước Hiếu		15/7/2020		1	3			
		33	Trần Thị Diễm Chi			11/6/2008	1	3			
		34	Trần Phước Nghiêm		1/1/2007		1	3			
11	11	35	Nguyễn Thị Năm	Sơn Hiệp		02/04/1967	1	1	140	20	
		36	Hồ Văn Bờ		1999		1	3			
		37	Hồ Văn Khánh		26/7/2004		1	3			
12	12	38	Nguyễn Thanh Sơn	Sơn Hiệp	02/04/1967		1	1	130	20	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SỔ CÁI QUẢN LÝ HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2026

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
01	01	1	Nguyễn Thị Lài	Sơn Hiệp		04/8/1948	1	1	140	20	
		2	Lê Văn Thôi		1992		1	3			
02	02	3	Ngô Văn Út	Sơn Hiệp	17/3/1956		1	1	140	20	
		4	Huỳnh Thị Được			25/2/1957	1	2			
03	03	5	Trần Thị Xuyên	Sơn Hiệp		1967	1	1	140	20	
		6	Nguyễn Nhật Anh		14/11/2007		1	6			
04	04	7	Lê Văn Bé	Sơn Hiệp	08/02/1955		1	1	140	20	
		8	Lê Văn Trung		15/08/2011		1	6			
05	05	9	Lư Thị Khen	Sơn Hiệp		10/01/1948	1	1	140	20	
		10	Lê Văn Hiền		26/02/1968		1	3			
		11	Đoàn Thị Kim Chưa			29/8/1971	1	3			
		12	Lê Thị Kim Ngân			11/12/2016	1	6			
		13	Lê Thị Ánh Dương			15/4/2018	1	6			
		14	Lê Thị Trà My			22/6/2015	1	6			
		15	Đoàn Thị Kim Thuỳ			16/12/2002	1	6			
		16	Hồ Thị Thúy Liễu			06/01/2007	1	6			

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
10	10	17	Nguyễn Thị Nết	Tân Mỹ		21/01/1954	1	1	120	20	
11	11	18	Dương Thị Thanh	Tân Mỹ		01/01/1963	1	1	120	20	
			Tổng cộng: 11 hộ								

Tây Phú, ngày 03 tháng 11 năm 2025

Lập biểu

Nguyễn Thị Diễm Hương



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quốc Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SỔ CÁI QUẢN LÝ HỘ NGHÈO NĂM 2026

STT	Số sổ	STT theo nhân khẩu	Họ và tên	Địa chỉ	Năm sinh		Dân tộc	Quan hệ chủ hộ	Số điểm		Ghi chú
					Nam	Nữ			B1	B2	
A		B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
01	01	1	Huỳnh Ngọc Cảnh	Phú An	01/01/1946		1	1	130	20	
02	02	2	Nguyễn Văn Mực	Phú An	01/01/1966		1	1	130	20	
		3	Nguyễn Thị Lan			12/05/1959	1	2			
03	03	4	Nguyễn Văn Thuận	Phú An	01/01/1958		1	1	130	20	
		5	Võ Thị Bé Tư			16/5/1957	1	2			
04	04	6	Trần Thị Bảy	Tân Đông		1950	1	1	120	20	
		7	Nguyễn Thanh Thanh			1976	1	3			
		8	Nguyễn Thị Thùy Trang			2005	1	6			
		9	Nguyễn Đỗ Trọng		2009		1	6			
05	05	10	Trần Văn Hai	Tân Đông	1941		1	1	120	20	
		11	Cao Thị Thắm			1949	2	2			
06	06	12	Bùi Văn Sáu	Tân Đông		1962	1	1	135	20	
		13	Thạch Thị Sas			1957	1	2			
07	07	14	Nguyễn Thị A	Tân Đông		1953	1	1	130	20	
08	08	15	Huỳnh Thị Thơ	Tân Đông		1954	1	1	120	20	
09	09	16	Lê Thị Lệ Hằng	Tân Phú		01/01/1967	1	1	140	20	

xã Tây Phú sẽ thực hiện theo đúng quy trình bình xét và công nhận danh sách công nhận Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025.

Nơi nhận:

- TT. UBND xã;
- VP. HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh Tế xã;
- BCĐ Rà Soát HN, HCN xã;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quốc Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6/TB-UBND

Tây Phú, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết Kết quả Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm cuối năm 2025

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP); Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 30/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Công văn số 247/BNNMT-VPQG ngày 05/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc cấm nãng cơ chế, chính sách về giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 và các bước rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ Kế Hoạch số 27/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Tây Phú Về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Tây Phú năm 2025.

Căn cứ Kế Hoạch số 46/KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2015 của UBND xã Tây Phú về Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn xã Tây Phú.

Ủy ban nhân dân xã Tây Phú xin thông báo đến tất cả các hộ dân đang sinh sống trên địa bàn xã được biết:

Qua thời gian họp Thống nhất kết quả rà soát điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và giai đoạn 2022 – 2025. UBND xã Tây Phú xin thông báo niêm yết công khai kết quả rà soát điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và giai đoạn 2022 – 2025 tại 03 điểm: Niêm yết tại trụ sở UBND xã, niêm yết trên Trang Thông tin điện tử xã, niêm yết tại văn phòng Ban nhân dân 12 ấp trên địa bàn xã. Hồ sơ niêm yết công khai gồm: Báo cáo kết quả kết quả Hợp rà soát điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và giai đoạn 2022 – 2025.

Thông báo này có hiệu lực từ ngày ra thông báo đến hết ngày 28/11/2025, nếu không có hộ nào góp ý hoặc khiếu nại thì Ban chỉ đạo Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo